

Bản án số: 80/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09/5/2022.
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Phương và bà Trần Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thề, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 120/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022, về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 25/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị S, sinh năm 1998, địa chỉ: Thôn Trung Chánh, xã Lộc Điền, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- Bị đơn: Anh T, sinh năm 1984, địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 07 tháng 02 năm 2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị S trình bày như sau:

Chị S và anh T có đăng ký kết hôn vào ngày 05/11/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Điền, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vợ chồng sống có hạnh phúc được thời gian ngắn khoảng 3 tháng, sau đó có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. nguyên nhân tính tình không hợp, giữa hai người cãi vã xúc phạm nhau, anh T có lời lẽ xúc phạm đến gia đình và bản thân chị S. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được. Từ tháng 02 năm 2022, do sợ anh T đánh nên nguyên đơn bỏ nhà ra đi, hai người sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh T. Về con chung, nguyên đơn trình bày vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao sổ hộ khẩu; Bản sao chứng minh nhân dân.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập; các Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh T. Ngày 17/02/2022, bị đơn anh T đến Tòa án làm việc và trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày tháng năm đăng ký kết hôn như chị S trình bày là đúng, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, níu kéo cũng không có hạnh phúc nên đồng ý ly hôn như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung, sau khi cưới gia đình nội ngoại nội ngoại hai bên có cho một số vàng, số lượng bao nhiêu bị đơn không rõ, khi nào anh thu thập được tài liệu, chứng cứ thì sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Về nợ chung, anh T khai vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không được nên đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn có đơn xin được xét xử vắng mặt.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Bị đơn cơ bản chấp hành đúng pháp luật, nhưng không tham gia các Phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên là hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Mặt khác, bị đơn có bản trình bày ý kiến và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh T có đăng ký kết hôn vào ngày 05/11/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Điền, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa nguyên đơn và anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình sống chung, giữa hai người đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tôn trọng nhau, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được. Từ tháng 2/2022 cho đến nay giữa hai người sống ly thân, cuộc sống của ai người đó tự lo liệu. Chứng tỏ hôn nhân của chị S và anh T đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị S. Chị S được ly hôn anh T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Xử buộc chị S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002373, ngày 09/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Chị S đã nộp đủ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đương sự;
- UBND xã Lộc Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

